TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 11-01-2018
V/v ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Huy Tùng.

Ông Trần Minh Nhẫn.

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Trân - Thư ký Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Dương Thị R, sinh năm 1962; cư trú tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964; cư trú tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02 tháng 10 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà Dương Thị R trình bày:

Bà Dương Thị R và ông Nguyễn Văn T tổ chức lễ cưới vào năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, ông bà sống tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nhưng không có hạnh phúc. Bản thân bà R cố gắng khắc phục để sống chung trong 29 năm qua. Trong cuộc sống hằng ngày, ông bà luôn phát sinh mâu thuẫn gia đình vì ông T luôn ăn chơi lêu lỏng, không chung thủy với bà R. Bà R biết được nói đến thì ông T đánh đập bà R rất tàn bạo. Ông

T dùng bạo lực gia đình hành hung bà R từ khi cưới cho đến nay. Do vậy, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, không khắc phục được. Bà R không còn chịu đựng được nữa vì cuộc sống hôn nhân không đạt được nên bà R làm đơn khởi kiện đến Tòa án xin được giải quyết ly hôn. Trong quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung là Nguyễn Văn V, sinh năm 1989 đang sống tự lập tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay bà Dương Thị R yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Dương Thị R yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Nguyễn Văn V, sinh năm 1989 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 12 năm 2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T và bà Dương Thị R tổ chức lễ cưới và chung sống từ năm 1988 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông, bà có 01 con chung là Nguyễn Văn V, sinh năm 1989 hiện nay đang sống tự lập tại ấp Đ, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nay trước yêu cầu của bà R ông T có ý kiến:

- Về hôn nhân: Ông T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Dương Thị R.

- Về con chung: Nguyễn Văn V, sinh năm 1989 đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy nguyên đơn, bị đơn không có đăng ký kết hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ giữa bà Dương Thị R và ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng. Ông, bà có 01 con chung tên Nguyễn Văn V, sinh năm 1989 đã trưởng thành, tự lo được cho cuộc sống bản thân, ông bà không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét. Về án phí, bà R có đơn yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng trong vụ án ly hôn.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về nội dung vụ án:**

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị R, sinh năm 1962 và ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau từ năm 1988 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, quan hệ giữa bà R và ông T không phải là quan hệ vợ chồng. Trong quá trình chung sống do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, ông T sống không chung thủy, không thể hàn gắn được nên bà R và ông T không còn sống chung từ tháng 4 năm 2017 âm lịch cho đến nay. Do tình cảm không còn nên bà R đã làm đơn khởi kiện tại Tòa án để xin ly hôn.

[3] Xét lý do xin ly hôn của bà R, Hội đồng xét xử thấy rằng bà R và ông T không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không công nhận bà Dương Thị R và ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

[4] Về con chung: Bà Dương Thị R và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Văn V, sinh năm 1989, đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân, bà R và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị R và ông Nguyễn Văn T thống nhất ông, bà không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Xét đề nghị của kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà Dương Thị R là người có đơn xin ly hôn nên căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án (Sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14) bà R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa bà Dương Thị R và ông Nguyễn Văn T là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung: Bà Dương Thị R và ông Nguyễn Văn T có 01 con chung tên Nguyễn Văn V, sinh năm 1989, đã trưởng thành, tự lao động nuôi sống được bản thân. Bà R và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Dương Thị R và ông Nguyễn Văn T thống nhất ông, bà không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Dương Thị R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2015/ 0006515 ngày 21 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng và như vậy bà Dương Thị R đã nộp xong án phí.

5. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA dân sự huyện T;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký

Đặng Phước Tuấn